

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 4/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung sau:

I. KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN

1. Nguyên tắc phân bổ:

- Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư; bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/06/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng

thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông), công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các xã biên giới, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có nhiều xã đặc biệt khó khăn nhưng chưa có địa điểm hoặc phải thuê địa điểm hoạt động.

- Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc, các cơ quan trung ương và các đơn vị có liên quan.

3. Số vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ năm 2022.

Tổng số vốn phân bổ năm 2022: 156.999 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo) ↗

4. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù:

Dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù là tối thiểu 10% số lượng dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh.

II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan và Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết; đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

III. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, trong đó:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Ban Dân tộc;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ An Phong



PHỤ LỤC

PHÂN BỐ VỐN ĐTPT NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 1625/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Bình)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
	Tổng số				156.999	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				34.311	
a	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất				5.500	
1	Huyện Lệ Thủy	03 xã	2022-2023		1.500	UBND huyện
2	Huyện Quảng Ninh	01 xã	2022-2023		500	
3	Huyện Bố Trạch	02 xã	2022-2023		1.000	
4	Huyện Minh Hóa	04 xã	2022-2023		2.000	
5	Huyện Tuyên Hóa	01 xã	2022-2023		500	
b.	Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung			29.200	28.811	
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Mới, bản Xà Khía, bản Tăng Ký	Xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2023	5.500	5.427	UBND huyện Lệ Thủy
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Thượng Sơn, thôn Liên Xuân, bản Đá Chát	Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh	2022-2023	5.200	5.131	UBND huyện Quảng Ninh
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung Bản 39	Xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2023	6.000	5.920	UBND huyện Bố Trạch
4	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa	Xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	2022-2023	6.000	5.920	UBND huyện Minh Hóa
5	Nước sinh hoạt tập trung thôn Tiền Phong	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa	2022-2023	6.500	6.413	UBND huyện Tuyên Hóa
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				35.409	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
1	Huyện Lệ Thủy	21 thôn, bản	2022-2023		7.290	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh	19 thôn, bản	2022-2023		6.596	
3	Huyện Bố Trạch	22 thôn, bản	2022-2023		7.637	
4	Huyện Minh Hóa	36 thôn, bản	2022-2023		12.497	
5	Huyện Tuyên Hóa	4 thôn, bản	2022-2023		1.389	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc				29.482	
1	Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				29.482	
1.1	Huyện Lệ Thủy	03 xã	2022-2023		5.983	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
1.2	Huyện Quảng Ninh	01 xã, 4 thôn	2022-2023		3.051	
1.3	Huyện Bố Trạch	02 xã, 02 thôn	2022-2023		4.832	
1.4	Huyện Minh Hóa	04 xã, 01 thôn	2022-2023		8.470	
1.5	Huyện Tuyên Hóa	01 xã, 01 thôn	2022-2023		1.930	
1.6	Chợ biên giới xã Thượng Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2024	5.500	2.000	UBND huyện Bố Trạch
1.7	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã từ xã Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Xã Kim Thủy, Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	30.000	3.216	UBND huyện Lệ Thủy
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				47.000	9.853
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				47.000	9.853
1.1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường PTDTNT Huyện Quảng Ninh	Xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	2022-2024	7.000	1.921	UBND huyện Quảng Ninh

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
1.2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTNT Huyện Bồ Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bồ Trạch	2022-2024	7.000	1.921	UBND huyện Bồ Trạch
1.3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	7.000	1.921	UBND huyện Minh Hóa
1.4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Hóa, Huyện Tuyên Hóa	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa	2022-2024	7.000	1.920	UBND huyện Tuyên Hóa
1.5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Thủy và Trường PTDTNT huyện Lệ Thủy	Xã Lâm Thủy, Mai Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	7.000	1.920	UBND huyện Lệ Thủy
1.6	Đầu tư nâng cấp, cải tạo trường PTDTNT tỉnh	Phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	2023-2025	12.000	250	Sở Giáo dục và Đào tạo (chuẩn bị đầu tư)
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				7.739	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu tại: bản Còi Đá, xã Ngân Thủy và khu Động Châu - Khe Nước Trong, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy	Xã Ngân Thủy, xã Kim Thủy huyện Lệ Thủy			2.258	UBND huyện Lệ Thủy
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				5.481	
2.1	Huyện Lệ Thủy	21 thôn, bản	2022-2023		1.128	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2.2	Huyện Quảng Ninh	19 thôn, bản	2022-2023		1.021	
2.3	Huyện Bồ Trạch	22 thôn, bản	2022-2023		1.182	
2.4	Huyện Minh Hóa	36 thôn, bản	2022-2023		1.934	
2.5	Huyện Tuyên Hóa	4 thôn, bản	2022-2023		215	
VI	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn				39.273	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
1	Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				39.273	
1.1	Huyện Bồ Trạch	1 thôn, bản	2022-2024		1.136	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
1.2	Huyện Minh Hóa	17 thôn, bản	2022-2024		19.318	
1.3	Huyện Tuyên Hóa	4 thôn, bản	2022-2024		4.545	
1.1	Hạ tầng giao thông kết hợp điện lưới vào khu dân cư các bản (Lòm - K.Chăm, Dộ - Tà Vòng) dân tộc Chứt xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	30.000	9.500	Ban Dân tộc
1.2	Hạ tầng giao thông kết hợp kè chống sạt lở khu dân cư các bản (Ba Loóc, Bãi Dinh, K-Ai) dân tộc Chứt xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	15.000	4.773	
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				932	
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				932	
1.1	Huyện Lê Thủy	03 xã	2022-2023		254	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
1.2	Huyện Quảng Ninh	01 xã	2022-2023		85	
1.3	Huyện Bồ Trạch	02 xã	2022-2023		169	
1.4	Huyện Minh Hóa	04 xã	2022-2023		339	
1.5	Huyện Tuyên Hóa	01 xã	2022-2023		85	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 4/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../ /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là Chương trình) như sau:

Tổng số vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phân bổ năm 2022 là: 156.999 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù: Tối thiểu 10% số lượng dự án đầu tư của Chương trình thực hiện theo cơ chế đặc thù.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính; UBNDT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ VỐN ĐTPT NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
	Tổng số				156.999	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				34.311	
a	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất				5.500	
1	Huyện Lệ Thủy	03 xã	2022-2023		1.500	UBND huyện
2	Huyện Quảng Ninh	01 xã	2022-2023		500	
3	Huyện Bố Trạch	02 xã	2022-2023		1.000	
4	Huyện Minh Hóa	04 xã	2022-2023		2.000	
5	Huyện Tuyên Hóa	01 xã	2022-2023		500	
b.	Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung			29.200	28.811	
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Mới, bản Xà Khía, bản Tăng Ký	Xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2023	5.500	5.427	UBND huyện Lệ Thủy
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Thượng Sơn, thôn Liên Xuân, bản Đá Chát	Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh	2022-2023	5.200	5.131	UBND huyện Quảng Ninh
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung Bản 39	Xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2023	6.000	5.920	UBND huyện Bố Trạch
4	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa	Xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	2022-2023	6.000	5.920	UBND huyện Minh Hóa
5	Nước sinh hoạt tập trung thôn Tiền Phong	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa	2022-2023	6.500	6.413	UBND huyện Tuyên Hóa
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				35.409	
1	Huyện Lệ Thủy	21 thôn, bản	2022-2023		7.290	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
2	Huyện Quảng Ninh	19 thôn, bản	2022-2023		6.596	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
3	Huyện Bố Trạch	22 thôn, bản	2022-2023		7.637	
4	Huyện Minh Hóa	36 thôn, bản	2022-2023		12.497	
5	Huyện Tuyên Hóa	4 thôn, bản	2022-2023		1.389	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc				29.482	
1	Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				29.482	
1.1	Huyện Lệ Thủy	03 xã	2022-2023		5.983	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
1.2	Huyện Quảng Ninh	01 xã, 4 thôn	2022-2023		3.051	
1.3	Huyện Bố Trạch	02 xã, 02 thôn	2022-2023		4.832	
1.4	Huyện Minh Hóa	04 xã, 01 thôn	2022-2023		8.470	
1.5	Huyện Tuyên Hóa	01 xã, 01 thôn	2022-2023		1.930	
1.6	Chợ biên giới xã Thượng Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2024	5.500	2.000	UBND huyện Bố Trạch
1.7	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã từ xã Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Xã Kim Thủy, Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	30.000	3.216	UBND huyện Lệ Thủy
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				47.000	9.853
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				47.000	9.853
1.1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường PTDTNT Huyện Quảng Ninh	Xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	2022-2024	7.000	1.921	UBND huyện Quảng Ninh

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
1.2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTNT Huyện Bồ Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bồ Trạch	2022-2024	7.000	1.921	UBND huyện Bồ Trạch
1.3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	7.000	1.921	UBND huyện Minh Hóa
1.4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Hóa, Huyện Tuyên Hóa	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa	2022-2024	7.000	1.920	UBND huyện Tuyên Hóa
1.5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Thủy và Trường PTDTNT huyện Lệ Thủy	Xã Lâm Thủy, Mai Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	7.000	1.920	UBND huyện Lệ Thủy
1.6	Đầu tư nâng cấp, cải tạo trường PTDTNT tỉnh	Phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	2023-2025	12.000	250	Sở Giáo dục và Đào tạo (chuẩn bị đầu tư)
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				7.739	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu tại: bản Còi Đá, xã Ngân Thủy và khu Động Châu - Khe Nước Trong, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy	Xã Ngân Thủy, xã Kim Thủy huyện Lệ Thủy			2.258	UBND huyện Lệ Thủy
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				5.481	
2.1	Huyện Lệ Thủy	21 thôn, bản	2022-2023		1.128	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2.2	Huyện Quảng Ninh	19 thôn, bản	2022-2023		1.021	
2.3	Huyện Bồ Trạch	22 thôn, bản	2022-2023		1.182	
2.4	Huyện Minh Hóa	36 thôn, bản	2022-2023		1.934	
2.5	Huyện Tuyên Hóa	4 thôn, bản	2022-2023		215	
VI	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn				39.273	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Vốn ĐTPT NSTW năm 2022	Đơn vị thực hiện
1	Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				39.273	
1.1	Huyện Bồ Trách	1 thôn, bản	2022-2024		1.136	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
1.2	Huyện Minh Hóa	17 thôn, bản	2022-2024		19.318	
1.3	Huyện Tuyên Hóa	4 thôn, bản	2022-2024		4.545	
1.1	Hạ tầng giao thông kết hợp điện lưới vào khu dân cư các bản (Lòm - K.Chăm, Dộ - Tà Vòng) dân tộc Chứt xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	30.000	9.500	Ban Dân tộc
1.2	Hạ tầng giao thông kết hợp kè chống sạt lở khu dân cư các bản (Ba Loóc, Bãi Dinh, K-Ai) dân tộc Chứt xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	15.000	4.773	
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				932	
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				932	
1.1	Huyện Lệ Thủy	03 xã	2022-2023		254	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
1.2	Huyện Quảng Ninh	01 xã	2022-2023		85	
1.3	Huyện Bồ Trách	02 xã	2022-2023		169	
1.4	Huyện Minh Hóa	04 xã	2022-2023		339	
1.5	Huyện Tuyên Hóa	01 xã	2022-2023		85	

